

**BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN THÁNG
(Từ ngày 01 đến 31/8/2026)**

1.1. Lưu vực sông Hồng

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 250-400mm, có nơi cao hơn, đặc biệt tại Yên Bái đo được 543mm, Tuyên Quang là 511mm; mưa phân bố không đồng đều, phổ biến cao hơn so với TBNN từ 16-65%, ngoại trừ có trạm ở mức thấp hơn từ 28-35% so với TBNN cùng thời kỳ.
Tổng lượng dòng chảy: + Sông Thao: Trong tháng qua, lưu lượng dòng chảy trên sông Thao tăng so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái thấp hơn TBNN cùng kỳ 23%. + Sông Lô: Trong tháng qua, lưu lượng dòng chảy đến các sông trên lưu vực cao hơn so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang thấp hơn TBNN khoảng 79%. + Sông Đà: Tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình trong tháng 07/2026 tăng so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình thấp hơn TBNN cùng kỳ 9%. + Trên sông Hồng: Mức nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dao động theo chế độ điều tiết của thủy điện tuyến trên và chịu ảnh hưởng mạnh của chế độ thủy triều cũng như ảnh hưởng của mưa trên lưu vực với xu thế tăng. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội tăng so với tháng trước và cao hơn TBNN cùng kỳ 18%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
Tổng lượng mưa: Phổ biến 300-450mm, có nơi cao hơn.
Tổng lượng dòng chảy: + Sông Thao: Trong tháng tới, lưu lượng dòng chảy trên sông Thao sẽ tăng hơn so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái thấp hơn TBNN cùng kỳ 32%. + Sông Lô: Trong tháng tới, lưu lượng dòng chảy trên sông Lô cao hơn so với

tháng vừa qua. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang thấp hơn TBNN khoảng 6%. + Sông Đà: Lưu lượng đến hồ Hòa Bình trong tháng tới có xu thế giảm nhẹ so với tháng trước; tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình dự báo ở mức thấp hơn TBNN 23%. + Mức nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội trong tháng 08 sẽ dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên, cũng như chịu ảnh hưởng của thủy triều. Dự báo tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội ở mức xấp xỉ TBNN

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 160-260mm, có nơi trên 300mm; phổ biến thấp hơn từ 28-49% so với TBNN cùng thời kỳ; ngoại trừ tại Hải Dương đo được 349mm (cao hơn TBNN 45%) và tại Bắc Cạn là 327mm (cao hơn TBNN 13%).
Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu, lưu lượng dòng chảy trên sông Cầu biến đổi chậm và có dao động nhỏ; tổng lượng dòng chảy tháng 7 tại trạm Gia Bảy ở mức cao hơn 61% so với TBNN cùng kì. + Trên sông Lục Nam lưu lượng nước đến biến đổi chậm xu thế xuống dần; tổng lượng dòng chảy tháng 7 tại trạm Chũ ở mức thấp hơn TBNN 57%
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
Tổng lượng mưa: khu vực phổ biến 250-400mm, có nơi cao hơn.
Tổng lượng dòng chảy: Trong tháng 08/2026: Dòng chảy trên sông Cầu và sông Lục Nam có khả năng xuất hiện 1-2 đợt lũ. So với TBNN cùng kỳ, tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại trạm Gia Bảy dự báo cao hơn 34%, trên sông Lục Nam tại trạm Chũ dự báo ở mức thấp hơn TBNN 56%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
Tổng lượng mưa: phổ biến từ 150-250mm, ở mức xấp xỉ đến thấp hơn so với TBNN từ 20-35%; ngoài trừ một số trạm đo được lượng mưa khá lớn như tại Đô Lương đo được 338mm (cao hơn TBNN 92%), Hương Sơn là 312mm (cao hơn TBNN 75%) và tại Quỳnh Châu là 287mm (cao hơn TBNN 28%). Khu vực từ Quảng Trị-Huế phổ biến từ 50-100mm, ở mức thấp hơn từ 38-45% so với TBNN cùng thời kỳ.
Tổng lượng dòng chảy:

+ Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tháng 7/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa tăng hơn so với tháng trước, các sông ở Nghệ An, Hà Tĩnh ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 11%, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn khoảng 58%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 41%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 88%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Trong tháng 07, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (TP Huế) tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 199%.

b. Dự báo, cảnh báo

Tổng lượng mưa: phổ biến từ phổ biến 250-400mm, có nơi trên 450mm; khu vực từ Quảng Trị-Huế phổ biến từ 130-250mm, có nơi cao hơn.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tháng 8/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực tăng hơn so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy thấp hơn TBNN khoảng 22%, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn khoảng 53%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 45%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 68%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Tháng 08/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 216%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 20-60mm, thấp hơn so với TBNN từ 42-82%; riêng Tại Trà My đo được 193mm (cao hơn TBNN 12%), tại Ba Tơ đo được 177mm (cao hơn TBNN 28%).

Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tháng 07, dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang cao hơn TBNN cùng kỳ 14%.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tháng 7, lưu lượng dòng chảy trên thượng nguồn các sông biến đổi chậm theo xu thế giảm. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa thấp hơn 8%, sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 78%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại

trạm Đồng Trăng thấp hơn 41%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy thấp hơn 71%, sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tà Pao thấp hơn 88% so với TBNN.

b. Dự báo, cảnh báo

Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 120-230mm, có nơi cao hơn; riêng khu vực Khánh Hòa và ven biển các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk phổ biến 50-100mm, có nơi cao hơn.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Tháng 08/2026, dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang cao hơn 29%.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tháng 8, lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi chậm và có khả năng xuất hiện dao động nhỏ. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn ở mức thấp hơn 82%, sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng ở mức thấp hơn 30% so với TBNN cùng kỳ.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 200-300mm, ở mức xấp xỉ so với TBNN. Trong khi đó, tại Kom Tum có lượng mưa khá lớn là 420mm (cao hơn TBNN 28%), tại Biên Hòa là 320mm (cao hơn TBNN 18%). Riêng tại Cần Thơ đo được lượng mưa khá thấp là 98mm (thấp hơn TBNN 59%).

Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tháng 7, lưu lượng dòng chảy đến sông Đăkbla biến đổi theo xu thế tăng dần và ở mức cao hơn so với tháng trước; sông Krông Ana ít biến đổi và ở mức thấp hơn tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 82%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 60%.

+ Tổng lượng dòng chảy Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long đang tăng dần.

b. Dự báo, cảnh báo

Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 230-370mm, có nơi cao hơn.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tháng tới, lưu lượng dòng chảy đến các sông biến đổi theo xu thế tăng dần và ở mức cao hơn so với tháng

trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 86%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn TBNN cùng kỳ 52%.

+ Tổng lượng dòng chảy Sông Cửu Long: Dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm và có xu thế tăng dần. Lượng dòng chảy trên sông Tiền tại trạm Tân Châu khả năng thấp hơn TBNN 10%, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc thấp hơn TBNN 25%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 1/9/2026

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục 1: Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 01 đến ngày 31/8/2026

Khu vực	Trạm	Thực đo 1 tháng qua (mm)	So sánh TBNN (%)	Dự báo trong 1 tháng tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	355	<35	300-430	>10-20
	Sơn La	330	>21	220-350	>10-20
	Hòa Bình	254	<28	300-430	>10-20
	Lào Cai	348	>16	330-470	>10-20
	Yên Bái	543	>65	330-470	>10-20
	Tuyên Quang	511	>64	240-360	>10-20
	Hà Giang	361	<35	380-550	>10-20
	Láng	405	>32	300-440	>15-25
	Thái Bình	222	<8	270-400	>15-25
	Nam Định	289	>17	280-420	>15-25
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	327	>13	230-350	>10-20
	Thái Nguyên	203	<49	280-420	>10-20
	Bắc Ninh	257	<4	310-450	>15-25
	Lạng Sơn	172	<28	200-300	>15-25
	Bắc Giang	166	<38	280-420	>15-25
	Hải Dương	349	>45	280-420	>15-25
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	208	<35	330-480	>20-30
	Bái Thượng	217	<19	350-500	>20-30
	Thanh Hóa	196	<13	280-420	>20-30
	Quỳ Châu	287	>28	300-450	>20-30
	Cửa Rào	178	<9	230-350	>20-30
	Đô Lương	338	>92	250-370	>20-30
	Vinh	126	<11	240-360	>20-30
	Hương Sơn	312	>75	220-330	>20-30
	Hương Khê	191	>4	270-400	>20-30
	Hà Tĩnh	123	<5	210-330	>20-30
	Đồng Hới	47	<40	150-250	>20-30
	Quảng Trị	49	<45	150-250	>20-30
	Nam Đông	101	<38	180-280	xấp xỉ
	Huế	47	<43	120-220	xấp xỉ
Lưu vực sông thuộc	Đà Nẵng	41	<55	130-230	xấp xỉ
	Trà My	193	>12	160-260	<5-15

Khu vực	Trạm	Thực đo 1 tháng qua (mm)	So sánh TBNN (%)	Dự báo trong 1 tháng tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
khu vực Nam Trung Bộ	Ba Tơ	177	>28	130-230	<5-15
	Quảng Ngãi	50	<42	90-160	<5-15
	Quy Nhơn	60	>33	60-110	<5-15
	An Khê	23	<82	120-220	<5-15
	Tuy Hòa	26	<45	40-70	<5-15
	Nha Trang	13	<71	40-70	<5-15
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	420	>28	310-450	>15-25
	Lắk	255	<5	250-370	<5-15
	Buôn Mê Thuột	215	<12	230-350	<5-15
	Biên Hòa	320	>18	200-300	<5-15
	Cần Thơ	98	<59	130-230	<5-15

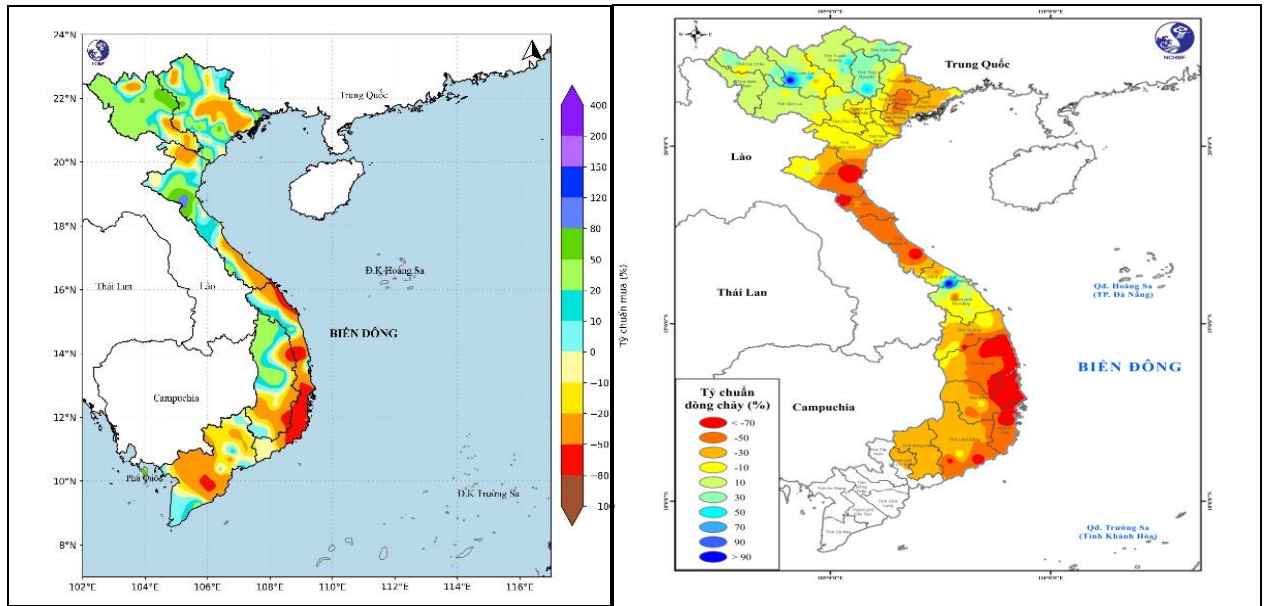
Bảng số liệu nguồn nước thực đo và dự báo trên các sông chính

Đơn vị: $10^6 m^3$

Sông	Trạm	Yếu tố đo	Thực đo	So sánh TBNN	Dự báo	So sánh TBNN
Thao	Yên Bái	W	2086	< 23	2536	< 32
Lô	Tuyên Quang	W	959	< 79	3883	< 6
Đà	Hồ Hòa Bình	W	10357	< 9	9374	< 23
Hồng	Hà Nội	W	11855	> 18	10848	> 3
Cầu	Gia Bảy	W	533	> 61	610.7	> 34
Lục Nam	Chũ	W	103	< 57	172.22	< 56
Mã	Cẩm Thủy	W	1507	< 11	2022	< 22
Cả	Yên Thượng	W	573	< 58	1087	< 53
La	Hòa Duyệt	W	79	< 41	135	< 45
Tả Trách	Thượng Nhật	W	46	> 199	62	> 216
Thu Bồn	Nông Sơn	W	225	~ TBNN	248	~ TBNN
Trà Khúc	Sơn Giang	W	200	> 14	249	> 29
Ba	Củng Sơn	W	67	< 77	96	< 82
Cái N,T	Đồng Trăng	W	62	< 32	62	< 30
ĐăkBlá	KonTum	W	37	< 82	43	< 86
Srêpôk	Giang Sơn	W	58	< 60	115	< 52
Tiền	Tân Châu	W			44242	< 10
Hậu	Châu Đốc	W			8450	< 25

Phụ lục 2: Bản đồ phân bố nguồn nước

Hình 2.1: Bản đồ hiện trạng nguồn nước từ ngày 01 đến ngày 31/7/2026



Bản đồ chênh lệch tổng lượng mưa (%)
so với TBNN

Bản đồ chênh lệch tổng lượng dòng
chảy so với TBNN